

Số: /STP-PBGDPL&TDTHPL
V/v hướng dẫn tiêu chí huyện đạt chuẩn
tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí
huyện nông thôn mới trên địa bàn
tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025

Bình Định, ngày tháng năm 2023

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Thực hiện Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 17/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới và huyện nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 - 2025, Sở Tư pháp hướng dẫn thực hiện tiêu chí 9.6. Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới theo Quyết định số 3057/QĐ-UBND, cụ thể như sau:

I. Nội dung của tiêu chí

Có 05 chỉ tiêu:

- Ban hành các văn bản theo thẩm quyền đề tổ chức và bảo đảm thi hành pháp luật trên địa bàn.
- Công khai, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ, đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin.
- Ban hành, tổ chức thực hiện Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật hàng năm đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật và hướng dẫn của cơ quan cấp trên.
- Tổ chức tiếp công dân, tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo đúng quy định pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo.
- Tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đúng quy định pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính.

II. Điều kiện công nhận cấp huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện) được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có 100% xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) trên địa bàn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Trường hợp trên địa bàn cấp huyện không có đơn vị hành chính cấp xã thì điều kiện này được miễn (không tính đến).
- Tổng số điểm của các chỉ tiêu đạt từ 90 điểm trở lên.
- Tổng số điểm của từng chỉ tiêu đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên.

- Trong năm đánh giá, không có cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cấp huyện bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

III. Điểm số, cách tính điểm của tiêu chí, các tài liệu đánh giá và số liệu phục vụ chấm điểm, đánh giá tiêu chí cấp huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

1. Điểm số, cách tính điểm của tiêu chí và các tài liệu đánh giá thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Văn bản này.

2. Số liệu phục vụ chấm điểm tiêu chí cấp huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại Mục I Văn bản này tính từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 của năm trước liền kề năm đánh giá.

Căn cứ các nội dung hướng dẫn nêu trên, đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh đề nghị kịp thời thông tin, phản ánh về Sở Tư pháp (*Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật - Theo dõi thi hành pháp luật*) để tổng hợp, phối hợp hướng dẫn thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh; (B/c)
- Ban Chỉ đạo xây dựng NTM;
- Văn phòng điều phối xây dựng NTM;
- PTP các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, PBGDPL-TDTHPL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Dân

PHỤ LỤC
NỘI DUNG, ĐIỂM SỐ, CÁCH TÍNH ĐIỂM, TÀI LIỆU ĐÁNH GIÁ TIÊU
CHỈ CẤP HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT
(Kèm theo Công văn số/STP-PBGDPL&TDTHPL
ngày tháng năm 2023 của Sở Tư pháp)

Nội dung	Cách tính điểm chỉ tiêu	Điểm số tối đa	Tài liệu đánh giá (1)
Chỉ tiêu 1	Ban hành các văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành pháp luật trên địa bàn	20	
	1. Ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao <i>(Trong năm đánh giá không có nhiệm vụ được giao ban hành văn bản quy phạm pháp luật được tính 09 điểm)</i>	9	<ul style="list-style-type: none"> - Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành trong năm đánh giá, kèm theo các văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cho chính quyền cấp huyện ban hành văn bản quy phạm pháp luật (nếu có). - Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc đình chỉ thi hành, bãi bỏ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện hoặc Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện (nếu có). - Văn bản của cơ quan có thẩm quyền kết luận về việc văn bản quy phạm pháp luật của cấp huyện trái pháp luật.
a) Ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật được giao <i>Tỷ lệ % = (Tổng số văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành/Tổng số văn bản quy phạm pháp luật được giao ban hành trong năm đánh giá) x100</i>	3,5		
- Đạt 100%	3,5		
- Từ 90% đến dưới 100%	3		
- Từ 80% đến dưới 90%	2,5		
- Từ 70% đến dưới 80%	2		
- Từ 60% đến dưới 70%	1,5		
- Từ 50% đến dưới 60%	0,5		
- Dưới 50%	0		
b) Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được giao <i>Tỷ lệ % = (Tổng số văn bản quy phạm pháp luật ban hành đúng quy định pháp luật/Tổng số văn bản quy phạm pháp luật được giao ban hành trong năm đánh giá) x 100</i>	5,5		
- Đạt 100%	5,5		

	- Từ 90% đến dưới 100%	4,5	
	- Từ 80% đến dưới 90%	3,5	
	- Từ 70% đến dưới 80%	2,5	
	- Từ 60% đến dưới 70%	1,5	
	- Từ 50% đến dưới 60%	0,5	
	- Dưới 50%	0	
	<p>2. Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân (sau đây gọi chung là văn bản hành chính)</p> <p><i>Tỷ lệ % = (Tổng số văn bản hành chính đã ban hành đúng thẩm quyền, thời hạn và không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý do có nội dung trái pháp luật/Tổng số văn bản hành chính đã ban hành trong năm đánh giá) x 100</i></p>	11	<p>- Văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân do chính quyền cấp huyện ban hành bao gồm Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện liên quan đến một số lĩnh vực: đất đai, xây dựng, tài nguyên - môi trường, văn hóa, an sinh - xã hội, hộ tịch; Quyết định của Trưởng Công an cấp huyện trong xử lý vi phạm pháp luật của cá nhân, tổ chức trên địa bàn thuộc phạm vi, chức năng, nhiệm vụ được giao.</p> <p>- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc đình chỉ thi hành, bãi bỏ văn bản hành chính (nếu có).</p>
	a) Đạt 100%	11	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	9	
	c) Từ 80% đến dưới 90%	7	
	d) Từ 70% đến dưới 80%	5	
	đ) Từ 60% đến dưới 70%	3	
	e) Từ 50% đến dưới 60%	1	
	g) Dưới 50%	0	
Chỉ tiêu 2	Công khai, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ, đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin	30	
	1. Thực hiện công khai thông tin	15	
	<p>a) Công khai thông tin đúng thời hạn, thời điểm</p> <p><i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã công khai đúng thời hạn, thời điểm/Tổng số thông tin phải được công khai) x 100</i></p>	5	
	- Đạt 100%	5	<p>- Hồ sơ, văn bản, tài liệu phục vụ xây dựng, đăng tải hoặc niêm yết các danh mục thông tin (đường link trên Cổng hoặc Trang thông tin điện tử, lịch phát các tin, bài công khai thông tin được người có thẩm quyền phê duyệt; hình ảnh chụp các</p>

- Từ 90% đến dưới 100%	4	bảng niêm yết, công khai thông tin...).
- Từ 80% đến dưới 90%	3	
- Từ 70% đến dưới 80%	2	
- Từ 60% đến dưới 70%	1	
- Từ 50% đến dưới 60%	0,5	
- Dưới 50%	0	
b) Công khai thông tin chính xác, đầy đủ <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã công khai chính xác, đầy đủ/Tổng số thông tin phải được công khai) x 100</i>	5	- Đơn kiến nghị, phản ánh hoặc biên bản tổng hợp kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc công khai thông tin theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện (nếu có).
- Đạt 100%	5	
- Từ 90% đến dưới 100%	4	
- Từ 80% đến dưới 90%	3	
- Từ 70% đến dưới 80%	2	
- Từ 60% đến dưới 70%	1	
- Từ 50% đến dưới 60%	0,5	
- Dưới 50%	0	
c) Hình thức công khai thông tin đúng quy định pháp luật <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã công khai đúng hình thức theo quy định pháp luật/Tổng số thông tin phải được công khai) x 100</i>	5	
- Đạt 100%	5	
- Từ 90% đến dưới 100%	4	
- Từ 80% đến dưới 90%	3	
- Từ 70% đến dưới 80%	2	
- Từ 60% đến dưới 70%	1	
- Từ 50% đến dưới 60%	0,5	
- Dưới 50%	0	

2. Thực hiện cung cấp thông tin theo yêu cầu (Trong năm đánh giá không có yêu cầu cung cấp thông tin được tính 15 điểm)	15		
a) Cung cấp thông tin theo yêu cầu đúng thời hạn <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp đúng thời hạn/Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) x 100</i>	5		
- Đạt 100%	5		
- Từ 90% đến dưới 100%	4		
- Từ 80% đến dưới 90%	3		
- Từ 70% đến dưới 80%	2		
- Từ 60% đến dưới 70%	1	- Số theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, kèm theo Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin.	
- Từ 50% đến dưới 60%	0,5		
- Dưới 50%	0		
b) Cung cấp thông tin theo yêu cầu chính xác, đầy đủ <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp chính xác, đầy đủ/Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) x 100</i>	5		- Đơn kiến nghị, phản ánh hoặc biên bản tổng hợp kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện (nếu có).
- Đạt 100%	5		
- Từ 90% đến dưới 100%	4		
- Từ 80% đến dưới 90%	3		
- Từ 70% đến dưới 80%	2		
- Từ 60% đến dưới 70%	1		
- Từ 50% đến dưới 60%	0,5		
- Dưới 50%	0		
c) Hình thức cung cấp thông tin đúng quy định pháp luật <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp đúng hình thức theo quy định pháp luật/Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) x 100</i>	5		

	- Đạt 100%	5	
	- Từ 90% đến dưới 100%	4	
	- Từ 80% đến dưới 90%	3	
	- Từ 70% đến dưới 80%	2	
	- Từ 60% đến dưới 70%	1	
	- Từ 50% đến dưới 60%	0,5	
	- Dưới 50%	0	
Chỉ tiêu 3	Ban hành, tổ chức thực hiện Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật hàng năm đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và hướng dẫn của cơ quan cấp trên (gọi chung là Kế hoạch)	15	
	1. Ban hành Kế hoạch	3	
	a) Ban hành Kế hoạch đúng thời hạn yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc trong 10 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Kế hoạch nếu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không có yêu cầu về thời hạn	3	- Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, đánh giá, công nhận cấp xã, cấp huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đã được lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành.
	b) Ban hành Kế hoạch sau 01 ngày đến 10 ngày làm việc so với thời hạn yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc từ sau 10 ngày đến 20 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Kế hoạch nếu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không có yêu cầu về thời hạn	2	- Kế hoạch, văn bản của cơ quan cấp trên chỉ đạo, hướng dẫn nội dung, thời hạn ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp huyện (nếu có). - Văn bản giao nhiệm vụ của cơ quan cấp trên.
	c) Ban hành Kế hoạch sau 10 ngày làm việc đến 15 ngày làm việc so với thời hạn yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc sau 20 ngày đến 25 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Kế hoạch nếu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không có yêu cầu về thời hạn	1	- Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện về kết quả thực hiện Kế hoạch và các văn bản, tài liệu phục vụ tổ chức, triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch.
	d) Không ban hành Kế hoạch; ban hành Kế hoạch sau 15 ngày làm việc so với thời hạn yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc sau 25 ngày nếu Ủy ban	0	- Tài liệu khác chứng minh kết quả thực hiện nhiệm vụ của Kế hoạch (nếu có).

	nhân dân cấp tỉnh không có yêu cầu về thời hạn; Kế hoạch không đáp ứng yêu cầu về nội dung theo hướng dẫn của cơ quan cấp trên		
	2. Triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch: <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đã triển khai và hoàn thành trên thực tế/Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đề ra trong Kế hoạch) x 100</i>	12	
	a) Đạt 100%	12	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	10	
	c) Từ 80% đến dưới 90%	8	
	d) Từ 70% đến dưới 80%	6	
	đ) Từ 60% đến dưới 70%	4	
	e) Từ 50% đến dưới 60%	2	
	g) Dưới 50%	0	
Chỉ tiêu 4	Tổ chức tiếp công dân, tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo	20	
	1. Tổ chức tiếp công dân	2	<ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh về địa điểm tiếp công dân. - Nội quy tiếp công dân, lịch tiếp công dân. - Quyết định hoặc văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Ban tiếp công dân. - Sổ tiếp công dân hoặc thông tin trên cơ sở dữ liệu quốc gia về tiếp công dân hoặc thông tin trên phần mềm quản lý tiếp công dân. - Văn bản hướng dẫn, trả lời kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo hoặc Quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo. - Báo cáo kết quả về tổ chức tiếp công dân, giải quyết kiến
	a) Có nội quy tiếp công dân	0,5	
	b) Bố trí địa điểm, phân công người tiếp công dân; niêm yết công khai lịch tiếp công dân của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tại trụ sở	0,5	
	c) Thực hiện đầy đủ, đúng quy định pháp luật về tiếp công dân tại trụ sở tiếp công dân cấp huyện	1	
	2. Tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh <i>Tỷ lệ % = (Tổng số kiến nghị, phản ánh được giải quyết đúng quy định pháp luật/Tổng số kiến nghị, phản ánh đủ điều kiện giải quyết đã được tiếp nhận) x 100</i> <i>(Trong năm đánh giá không có kiến nghị, phản ánh được tính 09 điểm)</i>	9	

	a) Đạt 100%	9	nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo.
	b) Từ 90% đến dưới 100%	7,5	
	c) Từ 80% đến dưới 90%	6	
	d) Từ 70% đến dưới 80%	4,5	
	đ) Từ 60% đến dưới 70%	3	
	e) Từ 50% đến dưới 60%	1,5	
	g) Dưới 50%	0	
	3. Tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo <i>Tỷ lệ % = (Tổng số khiếu nại, tố cáo được giải quyết đúng quy định pháp luật/Tổng số khiếu nại, tố cáo đủ điều kiện giải quyết đã được tiếp nhận) x 100</i> <i>(Trong năm đánh giá không có khiếu nại, tố cáo được tính 09 điểm)</i>	9	
	a) Đạt 100%	9	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	7,5	
	c) Từ 80% đến dưới 90%	6	
	d) Từ 70% đến dưới 80%	4,5	
	đ) Từ 60% đến dưới 70%	3	
	e) Từ 50% đến dưới 60%	1,5	
	g) Dưới 50%	0	
Chỉ tiêu 5	Tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đúng quy định pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính <i>Tỷ lệ % = (Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết đúng quy định pháp luật/Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính đủ điều kiện giải quyết đã được tiếp nhận) x 100</i>	15	Số theo dõi việc giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc số liệu được trích xuất từ hệ thống thông tin một cửa điện tử (đối với địa phương đã vận hành hệ thống thông tin một cửa điện tử).
	a) Đạt 100%	15	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	12,5	
	c) Từ 80% đến dưới 90%	10	

d) Từ 70% đến dưới 80%	7,5
đ) Từ 60% đến dưới 60%	5
e) Từ 50% đến dưới 60%	2,5
g) Dưới 50%	0
TỔNG CỘNG:	100

Ghi chú:

(1) Tài liệu đánh giá tại Phụ lục là căn cứ để UBND cấp huyện xác định kết quả, điểm số của các chỉ tiêu và không gửi kèm theo hồ sơ đề nghị công nhận cấp huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Trường hợp cần thiết, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể yêu cầu UBND cấp huyện cung cấp các tài liệu cụ thể phục vụ việc kiểm tra, đánh giá, thẩm định, công nhận cấp huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật./.